

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 09-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Vượng.
2. Ông Nguyễn Sơn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/HSST-QĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 đối với:

Bị cáo: NGUYỄN VĂN P - Sinh ngày: 07-02-1995 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn G – Sinh năm: 1961; Con bà: Nguyễn Thị R – Sinh năm: 1969; Vợ, con: Không.

Tiền án:

- Ngày 20-6-2017, bị cáo Nguyễn Văn P bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 41/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 24-10-2018, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án.

- Ngày 31-3-2020, bị cáo Nguyễn Văn P bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 26/2020/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 06-4-2021, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án.

Tiền sự: Ngày 07-9-2021, bị cáo Nguyễn Văn P bị xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành

chính số: 302/QĐ-XPVPHC của Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 17-9-2021, bị cáo Nguyễn Văn P đã nộp phạt xong khoản tiền phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn P đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số: 12/2022/HSST-QĐTG ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Bị hại:

- Bà **Lê Thị T1** – Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn K, xã K1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Dương Đức N** – Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn B, xã K1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà **Đức Thị P1** – Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố T2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Hoàng Hải A** – Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn P đã có 01 tiền sự về Tội trộm cắp tài sản là đối tượng nghiện ma túy. Do không có nghề nghiệp ổn định nên bị cáo P nảy sinh ý định trộm cắp tài để lấy tiền mua ma túy và chi tiêu cá nhân.

Khoảng 07 giờ ngày 11-10-2021, bị cáo P đi bộ từ nhà đến khu vực thôn K, xã K1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang tìm tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đến nhà bà Lê Thị T1, bị cáo P quan sát thấy vị trí cạnh tường nhà có 01 chiếc xe lôi tự chế không có ai trông coi nên dùng tay kéo chiếc xe trên đến khu vực Trại Kiểm lâm xã K1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó, bị cáo P gọi điện thoại cho ông Hà Văn N1 - Sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang với nội dung rủ ông N1 cùng đi bán xe lôi để lấy tiền mua ma túy. Ông N1 đồng ý rồi điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển kiểm soát) chở bị cáo P kéo theo chiếc xe lôi nói trên, bán cho bà Đức Thị P1 với giá 370.000đ (Khi mua, bà P1 không biết đó là tài sản do bị cáo P trộm cắp được mà có). Số tiền bán xe có được, bị cáo P mua ma túy (Hêrôin) của một người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) ở khu vực giáp danh giữa thị trấn Sơn Dương và xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang với số tiền là 300.000đ. Sau đó, bị cáo P cùng ông N1 sử dụng ma túy bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể. Số tiền 70.000đ, bị cáo P đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 12-10-2021, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với bị cáo P, kết quả: (+) Dương tính (Có chất ma túy trong cơ thể).

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận: Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nói trên, bị cáo P còn 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 24-9-2021, cụ thể như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 24-9-2021, bị cáo P đi bộ từ nhà đến nhà ông Dương Đức N chơi. Ngồi nói chuyện khoảng 15 phút, thấy ông N đi ra ngoài có việc và để 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ViVo Y11 màu đen (bên trong có 01 sim điện thoại) trên mặt tủ đựng ti vi nên bị cáo P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại. Bị cáo P thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại trên. Sau đó, bị cáo P bán cho ông Hoàng Hải A (là chủ cửa hàng điện thoại di động HD Mobile) được 400.000đ (khi mua, ông A không biết điện thoại do bị cáo P trộm cắp được mà có). Sau khi mua, do điện thoại bị hỏng màn hình nên ông A đã tháo ra để bán linh kiện cho các khách hàng khác (không nhớ rõ bán cho ai). Số tiền bán điện thoại có được, bị cáo P mua ma túy (Hêrôn) của một người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) ở khu vực giáp danh giữa thị trấn Sơn Dương và xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang với số tiền là 400.000đ. Sau đó, bị cáo P sử dụng ma túy bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Tại kết luận định giá tài sản số: 88/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 12-10-2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang kết luận: 01 xe lô-tô tự chế bằng kim loại, 02 bánh, trọng lượng 42kg của bà Lê Thị T1 tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 840.000đ (*Tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tại kết luận định giá tài sản số: 94/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 11-11-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo Y11 của ông N tại thời điểm trộm cắp trị giá 2.104.000 đồng; 01 sim điện thoại di động nhà mạng Viettel trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm trộm cắp là 2.154.000đ (*Hai triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ 01 chiếc xe lô-tô tự chế bằng kim loại, trọng lượng 42kg. Ngày 30-12-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã trả lại cho bà Lê Thị T1 là chủ sở hữu.

Về dân sự: Bị hại bà Lê Thị T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì. Bị hại ông Dương Đức N yêu cầu bị cáo P bồi thường số tiền 2.154.000đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Hải A không có yêu cầu đề nghị gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1 yêu cầu bị cáo P bồi thường số tiền 370.000đ.

Tại cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận: Trong các ngày 24-09-2021 và 12-10-2021, bị cáo Nguyễn Văn P đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mục đích lấy tiền mua ma túy và chi tiêu cá nhân. Cụ thể: Lần 1: Ngày 24-9-2021, bị cáo P đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y11 (bên trong có 01 sim điện thoại) trị giá 2.154.000đ của ông Dương Đức N. Lần 2: Ngày 12-10-2021, bị cáo P có hành vi trộm cắp 01 xe lôi tự chế bằng kim loại, trọng lượng 42kg trị giá 840.000đ của bà Lê Thị T1. Tổng giá trị tài sản 02 lần trộm cắp là: 2.994.000đ. Bị cáo Nguyễn Văn P nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn P nhất trí bồi thường cho bị hại ông Dương Đức N số tiền 2.154.000đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1 số tiền 370.000đ. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn P không trình bày thêm vấn đề gì khác.

Bị hại bà Lê Thị T1 vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX công bố toàn bộ lời khai và nội dung Đơn xin xét xử vắng mặt. Về phần trách nhiệm hình sự: Bà Thủy đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm dân sự: Bà Thủy đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Ngoài ra, bà Thủy không trình bày thêm vấn đề gì.

Bị hại ông Dương Đức N vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX công bố toàn bộ lời khai và nội dung Đơn xin xét xử vắng mặt. Về phần trách nhiệm hình sự: Ông N đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm dân sự: Ông N yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại số tiền 2.154.000đ. Ngoài ra, ông N không trình bày thêm vấn đề gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Hải A vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX công bố toàn bộ lời khai và nội dung Đơn xin xét xử vắng mặt. Về phần trách nhiệm hình sự: Ông Hải Anh đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm dân sự: Ông Hải Anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Ngoài ra, ông Hải Anh không trình bày thêm vấn đề gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1 vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX công bố toàn bộ lời khai và nội dung Đơn xin xét xử vắng mặt. Về phần trách nhiệm hình sự: Bà P1 đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm dân sự: Bà P1 yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại số tiền 370.000đ. Ngoài ra, bà P1 không trình bày thêm vấn đề gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn P. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 13-10-2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Hải A không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Áp dụng Điều 357, Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Dương Đức N số tiền 2.154.000đ.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1 số tiền 370.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn P nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn P đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn P khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 24-09-2021 và 12-10-2021, bị cáo Nguyễn Văn P có 01 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mục đích lấy tiền mua ma túy và chi tiêu cá nhân. Cụ thể: Lần 1: Ngày 24-9-2021, bị cáo P đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y11 (bên trong có 01 sim điện thoại) trị giá 2.154.000đ của ông Dương Đức N. Lần 2: Ngày 12-10-2021, bị cáo P có hành vi trộm cắp 01 xe lôi tự chế bằng kim loại, trọng lượng 42kg trị giá 840.000đ của bà Lê Thị T1. Tổng giá trị tài sản 02 lần trộm cắp là: 2.994.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tổng giá trị tài sản 02 lần trộm cắp là 2.994.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (trước lần bị đưa xét xử này, bị cáo Nguyễn Văn P đã 02 lần bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đồng thời, trong lần bị kết án thứ hai trước đó, bị cáo P đã bị áp dụng tình tiết tái

phạm). Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản điểm g khoản 2; khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ”

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn P thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn P có 01 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản và đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Nguyễn Văn P làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Trước khi phạm tội, bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội liên quan đến ma túy và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để sửa chữa bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra và cách ly bị cáo trong trại cải tạo một thời gian để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội, không những tạo điều kiện cho bị cáo P có điều kiện từ bỏ ma túy mà còn

góp phần đảm bảo an ninh trật tự cũng như phòng ngừa tội phạm trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị T1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Hải A không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Bị hại ông Dương Đức N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại số tiền là 2.154.000đ. HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến tài sản của ông Dương Đức N gây thiệt hại. Yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của ông N phù hợp giá trị thực tế của tài sản bị mất. Bị cáo cũng nhất trí với yêu cầu của bị hại. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của bị hại ông Dương Đức N. Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Dương Đức N số tiền là 2.154.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại số tiền là 370.000đ HĐXX xét thấy bà Đức Thị P1 khi mua chiếc xe ô tô tự chế bằng kim loại, bà P1 không biết đó là tài sản do bị cáo P trộm cắp được của bà Thủy mà có. Sau khi sự việc xảy ra, bà P1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của bà P1 phù hợp giá trị thực tế khi bà P1 mua tài sản của bị cáo P. Bị cáo cũng nhất trí với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1 số tiền là 370.000đ (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là: 2.154.000đ + 370.000đ = 2.524.000đ. Buộc 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện

hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp bắt tạm giam với bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo P trong ngày 24-9-2021 và 11-10-2021, do không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với ông Hà Văn N1 vắng mặt khỏi địa phương, chưa triệu tập lấy lời khai để làm rõ hành vi của ông N1. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tách hành vi của ông Hà Văn N1 để tiếp tục điều tra, xác minh.

Đối với bà Đức Thị P1 và ông Hoàng Hải A khi mua tài sản của bị cáo P không biết đó là tài sản do bị cáo P trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn P ngày 11-10-2021, Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13 ngày 11-01-2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn P bị bắt tạm giam, ngày 13-10-2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Dương Đức N – Địa chỉ: Thôn Ba Khe, xã K1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 2.154.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đức Thị P1 – Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 370.000đ (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cả hai án phí là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09-3-2022).

Các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Cường